**HỒ SƠ MỜI THẦU**

**Gói thầu: Xây dựng công trình Cổng chào Khu công nghiệp SHI - IP Tam Dương**

**thuộc Dự án Cổng chào Khu công nghiệp SHI - IP Tam Dương**

**A. THÔNG TIN CHUNG**

**Gói thầu:** Xây dựng công trình Cổng chào Khu công nghiệp SHI - IP Tam Dương

**Dự án:** Cổng chào Khu công nghiệp SHI - IP Tam Dương

**Địa điểm:** Khu công nghiệp Tam Dương 1- khu vực 2 thuộc xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ

**Chủ đầu tư:** CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

**1. Mục tiêu đầu tư**

Dự án nhằm xây dựng công trình cổng chào hiện đại, bền vững, mang tính biểu tượng, góp phần khẳng định hình ảnh và thương hiệu của Khu công nghiệp SHI - IP Tam Dương, đồng thời đáp ứng nhu cầu quản lý, vận hành và cảnh quan kiến trúc.

**2. Quy mô và tính chất công trình**

Công trình là Cổng chào Khu công nghiệp Tam Dương, được xây dựng tại xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ. Đây là một công trình có quy mô đáng kể và yêu cầu kỹ thuật cao, mang tính chất là cổng chào kết hợp bốt bảo vệ.

Về quy mô, phần móng công trình sử dụng móng cọc vuông đúc sẵn có tiết diện 250x250mm, chiều dài dự kiến 20m, với sức chịu tải thiết kế 30 tấn/cọc. Phần thân công trình có chiều cao tính toán lên đến 20.3m, kết hợp giải pháp khung bê tông cốt thép (BTCT) đổ toàn khối cho bốt bảo vệ và hệ kết cấu thép cho trụ và mái cổng. Các vật liệu chính bao gồm bê tông cấp độ bền B22.5 (M300) và B20 (M250), cốt thép chủng loại CB240-T, CB300-V, CB400-V, và thép kết cấu mác Q345.

Tính chất công trình đòi hỏi độ chính xác kỹ thuật cao, được thiết kế và tính toán dựa trên nhiều tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành như TCVN về tải trọng, kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép, móng cọc và thiết kế công trình chịu động đất. Công trình được tính toán chịu các loại tải trọng đứng, hoạt tải và đặc biệt là tải trọng gió lớn (áp lực gió cơ sở W0 = 95 daN/m2, địa hình B). Toàn bộ kết cấu được mô hình hóa và phân tích bằng phần mềm chuyên dụng (ETABS), với các kiểm tra chi tiết về điều kiện bền, độ mảnh và đảm bảo độ võng cấu kiện chịu uốn không vượt quá 11.2 cm, nhằm đảm bảo sự ổn định và an toàn tuyệt đối.

**3. Thời gian và hình thức hợp đồng**

**Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**Thời gian thực hiện hợp đồng:** 100 ngày.

**Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi trên Hệ thống mạng đấu thầu Tập đoàn Sơn Hà e-Bidding.

**4. Phạm vi gói thầu**

Gói thầu bao gồm toàn bộ công tác xây lắp, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện, chạy thử, nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng, theo hồ sơ thiết kế, BOQ, Bảng tổng hợp giá và các tài liệu kèm theo HSMT.

**B. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung và các văn bản pháp luật liên quan.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN, QCVN) áp dụng.

- Quy chế đấu thầu và quản lý dự án của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

- Các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng, tài chính, kế toán trong nội bộ doanh nghiệp.

**- Căn cứ tài liệu dự án:**

- Hồ sơ thuyết minh Nghiên cứu khả thi công trình Cổng chào KCN Tam Dương.

- Bảng khối lượng (BOQ) chi tiết kèm theo.

- Bảng tổng hợp giá trị xây lắp kèm theo.

- Yêu cầu xuất xứ vật tư, thiết bị kèm theo.

**C. PHẠM VI CÔNG VIỆC**

**1. Mô tả tóm tắt**

Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện toàn bộ công việc xây dựng Cổng chào Khu công nghiệp SHI – IP Tam Dương và các hạng mục phụ trợ, đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế, thuyết minh kỹ thuật, BOQ và yêu cầu HSMT.

**2. Các hạng mục chính**

**- Cổng chào (phần xây dựng): Kết cấu thép Q345B; Mái vòm, nhịp lớn, cao trụ ~20,3 m; Móng cọc BTCT 250×250 mm, L=20 m, sức chịu tải 30 tấn/cọc; Hệ dàn thép mái, khung, xà gồ, hoàn thiện.**

**- Nhà bảo vệ;**

**- Bể nước cảnh quan;**

**- Hệ thống điện;**

**- Hệ thống cấp – thoát nước.**

**3. Yêu cầu kỹ thuật**

- Nhà thầu thi công gói thầu có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, các bản vẽ thi công và các tiêu chuẩn TCVN, QCVN hiện hành.

- Vật tư, thiết bị phải đảm bảo xuất xứ & tiêu chuẩn theo Phụ lục Yêu cầu xuất xứ vật tư, thiết bị kèm theo.

- Nhà thầu phải có biện pháp thi công, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy phù hợp.

**4. Sản phẩm bàn giao**

- Công trình hoàn thiện **Cổng chào** Khu công nghiệp SHI – IP Tam Dương và toàn bộ hạng mục phụ trợ.

- Hồ sơ hoàn công, bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu, chứng chỉ chất lượng vật liệu (nếu có).

**5. Yêu cầu bảo hành**

- Thời gian bảo hành kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng:

- Kết cấu chính (móng, cọc, khung thép, bê tông): bảo hành 24 tháng.

- Các hạng mục còn lại (hoàn thiện, điện – nước – PCCC, thiết bị phụ trợ, cảnh quan): bảo hành 12 tháng.

**D. BẢNG BOQ (BILL OF QUANTITIES)**

- Nhà thầu phải chào giá đầy đủ cho toàn bộ các hạng mục theo BOQ.

- Nhà thầu không được bỏ sót hạng mục. Nếu bỏ sót, coi như giá dự thầu đã bao gồm.

- Chi tiết toàn bộ công tác, khối lượng, đơn giá được thể hiện trong BOQ đính kèm và Bảng tổng hợp giá kèm theo HSMT

**- Ghi chú:**

- Giá dự thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, biện phápthi công, cũng như các thuế, phí, lệ phí theo quy định.

- Trường hợp có sự sai khác về khối lượng giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ thiết kế, nhà thầu phải làm rõ trong quá trình phát hành HSMT.

**E. TIẾN ĐỘ – BẢO ĐẢM – THANH TOÁN**

**1. Tiến độ thực hiện**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 100 ngày.

- Nhà thầu phải lập bảng tiến độ thi công chi tiết, trình Chủ đầu tư phê duyệt.

- Các mốc chính:

- Hoàn thành phần móng & kết cấu thép chính.

- Lắp dựng kết cấu thép

- Hoàn thành hệ thống MEP

- Hoàn thành toàn bộ công trình, nghiệm thu bàn giao.

**2. Hiệu lực hồ sơ dự thầu: 30 ngày** kể từ ngày đóng thầu

**3. Bảo đảm dự thầu:** Không áp dụng

**4. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**: 5% giá trị hợp đồng

**5. Tạm ứng và bảo lãnh tạm ứng:**

- Chủ đầu tư tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng và nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương ứng.

- Khoản tạm ứng sẽ được thu hồi dần qua các lần thanh toán tiếp theo.

**6. Thanh toán**

Thanh toán chia làm 3 lần, dựa trên khối lượng hoàn thành được nghiệm thu thực tế:

**- Lần 1:** 30% giá trị hợp đồng – Sau khi hoàn thành phần móng & khung thép chính.

**- Lần 2:** 40% giá trị hợp đồng – Sau khi hoàn thành toàn bộ xây lắp, lắp đặt thiết bị, bàn giao chạy thử.

**- Lần 3:** 30% giá trị hợp đồng – Sau khi bàn giao hồ sơ hoàn công, quyết toán và nộp bảo lãnh bảo hành.

**7. Bảo hành**

- Thời gian bảo hành kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng:

- Kết cấu chính (móng, cọc, khung thép, bê tông): bảo hành 24 tháng.

- Các hạng mục còn lại (hoàn thiện, điện – nước – PCCC, thiết bị phụ trợ, cảnh quan): bảo hành 12 tháng.

- Hình thức bảo hành: **Bảo lãnh ngân hàng bằng 5% giá trị hợp đồng**.

**F. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU (HSDT)**

**1. Đánh giá tính hợp lệ**

Hồ sơ dự thầu được coi là **hợp lệ** khi đáp ứng đầy đủ:

- Nộp đúng hạn, có chữ ký và dấu hợp pháp.

- Hiệu lực HSDT ≥ 30 ngày kể từ ngày đóng thầu.

- Hồ sơ pháp lý, đăng ký kinh doanh phù hợp với lĩnh vực xây lắp.

- Hồ sơ năng lực, nhân sự, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.

**2. Đánh giá về kỹ thuật**

Áp dụng phương pháp **chấm điểm**, tổng điểm kỹ thuật là **100**, với ngưỡng đạt yêu cầu: **≥ 75/100 điểm**.

**BẢNG TIÊU CHÍ** **ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**HSDT của nhà thầu: (ghi tên nhà thầu)...**

| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm tối thiểu** | **Cách cho điểm đánh giá**  | **ĐÁNH GIÁ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Nhận xét của chuyên gia** |  |
| **1** | **Kinh nghiệm chung** |  |  |  |  |  |  |
|  | Có ≥ 1 hợp đồng xây dựng tương tự và quy mô ≥ 70% giá trị chào thầu của nhà thầu | 10 | 8 | Đáp ứng yêu cầu và Đủ hợp đồng, nghiệm thu: 10 điểm; thiếu: trừ điểm |  |  |  |
| **2** | **Kinh nghiệm chuyên biệt** |  |  |  |  |  |  |
|  | Có ≥ 1 hợp đồng tương tự về **cổng chào, tượng đài, kết cấu thép nhịp lớn, công trình biểu tượng, có hạng mục điện – chiếu sáng ngoài trời** | 10 | 8 | Có hợp đồng tương tự đặc thù: 10 điểm; tương tự nhưng chưa đủ đặc thù: trừ điểm; không có: 0 |  |  |  |
| **3** | **Năng lực tài chính** |  |  |  |  |  |  |
|  | Doanh thu xây lắp bình quân 3 năm gần nhất (2022, 2023. 2024) ≥ 1,5 lần giá trị chào thầu của nhà thầu | 10 | 7 | Đáp ứng yêu cầu và Đủ hồ sơ BCTC kiểm toán + xác nhận thuế: 10 điểm; thiếu một phần: trừ điểm; không có: 0 điểm |  |  |  |
| **4** | **Nhân sự chủ chốt** |  |  |  |  |  |  |
|  | **Chỉ huy trưởng công trình**: ≥ 5 năm kinh nghiệm, đã từng chỉ huy ≥ 1 công trình tương tự, có chứng chỉ hành nghề giám sát/chỉ huy trưởng.**Chỉ huy phó**: ≥ 3 năm kinh nghiệm, có chứng chỉ giám sát thi công xây dựng.**Kỹ sư kết cấu**: ≥ 3 năm kinh nghiệm, có chứng chỉ giám sát thiết kế/kết cấu.**Kỹ sư MEP**: ≥ 3 năm KN, CC giám sát thi công điện – nước.**Cán bộ phụ trách PCCC**: ≥ 3 năm KN, có chứng chỉ nghiệp vụ PCCC.**Cán bộ phụ trách ATLĐ**: ≥ 3 năm KN, có chứng chỉ ATLĐ theo QCVN. | 35 | 25 | Đáp ứng yêu cầu và có đầy đủ chứng chỉ + kinh nghiệm: 5 điểm/nhân sự, tổng 35 điêm.Các nhân sự khác nếu thiếu 1 phần: trừ điểm.Riêng đối với tiêu chí nhân sự Chỉ huy trưởng, nếu không đáp ứng yêu cầu thì toàn bộ tiêu chí đánh giá về Nhân sự chủ chốt: 0 điểm. |  |  |  |
| **5** | **Biện pháp thi công** |  |  |  |  |  |  |
|  | Thuyết minh Biện pháp thi công gồm các nội dung chính sau:1- Chuẩn bị mặt bằng & biện pháp an toàn lao động, PCCC, bảo vệ môi trường.2- Thi công móng, cọc, bệ kết cấu.3- Lắp dựng kết cấu thép, mái, hoàn thiện kiến trúc.4- Thi công hệ thống điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, PCCC.5- Hoàn thiện cảnh quan, chạy thử và bàn giao. | 15 | 12 | - Đủ 5 nội dung, trình bày chi tiết, có sơ đồ hoặc thuyết minh rõ ràng: 15 điểm.- Thiếu 1–2 nội dung hoặc viết sơ sài: 12–14 điểm.- Thiếu quá 2 nội dung hoặc biện pháp chung chung: dưới 12 điểm.- Không có biện pháp thi công: 0 điểm. |  |  |  |
| **6** | **Tiến độ thi công** |  |  |  |  |  |  |
|  | Có Bảng tiến độ thi công (dạng Gantt hoặc bảng mốc thời gian), thể hiện rõ:- Tổng thời gian thực hiện không vượt quá yêu cầu HSMT (≤ 100 ngày).- Các mốc chính: hoàn thành móng, lắp dựng kết cấu thép, hoàn thiện hệ thống MEP, bàn giao công trình. | 10 | 8 | - Tiến độ ≤ 100 ngày, có đủ các mốc chính, logic và khả thi: 10 điểm.- Tiến độ ≤ 100 ngày nhưng thiếu một số mốc: trừ điểm.- Tiến độ > 100 ngày: 0 điểm. |  |  |  |
| **7** | **Cam kết chất lượng và Bảo hành** |  |  |  |  |  |  |
|  | Cam kết chất lượng, ATLĐ, môi trường, bảo hành:- Kết cấu chính (móng, cọc, khung thép, bê tông): bảo hành 24 tháng.- Các hạng mục còn lại (hoàn thiện, điện – nước – PCCC, thiết bị phụ trợ, cảnh quan): bảo hành 12 tháng. | 10 | 7 | Có văn bản cam kết đáp ứng đúng yêu cầu: 10 điểm; thiếu nội dung: trừ điểm; không có cam kết: 0 điểm. |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | **100** | **75** |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN** | Đạt yêu cầu nếu tổng điểm của Nhà thầu: ≥ 75/100 điểm. |  |

**Nguyên tắc tính điểm:**

- Từng thành viên của Tổ chuyên gia thực hiện đánh giá độc lập. Điểm kỹ thuật là trung bình cộng của các thành viên Tổ chuyên gia đánh giá. Kết quả làm tròn số nguyên gần nhất.

- Chỉ các nhà thầu đạt ≥ 75/100 điểm mới được vào vòng đánh giá về tài chính.

**3. Đánh giá về tài chính**

- So sánh giá dự thầu sau khi sửa lỗi số học, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giảm giá (nếu có).

- Loại bỏ các giá bất thường hoặc không phù hợp.

- Xếp hạng: nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất trong nhóm đạt kỹ thuật được xếp hạng 1.

**G. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ THẦU**

Nhà thầu phải nộp HSDT gồm đầy đủ các tài liệu sau:

**1. Hồ sơ pháp lý & kinh nghiệm**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Hồ sơ thuế (xác nhận không nợ đọng thuế).

- Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất (2022, 2023, 2024) (có kiểm toán hoặc xác nhận cơ quan thuế).

- Hợp đồng tương tự đã hoàn thành, kèm biên bản nghiệm thu, quyết toán.

**2. Hồ sơ nhân sự chủ chốt**

- Danh sách nhân sự chủ chốt.

- Tài liệu chứng minh: kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ hành nghề theo quy định.

**3. Đề xuất kỹ thuật**

- Thuyết minh biện pháp thi công chi tiết gồm các nội dung chính sau:

1- Chuẩn bị mặt bằng & biện pháp an toàn lao động, PCCC, bảo vệ môi trường

2- Thi công móng, cọc, bệ kết cấu.

3- Lắp dựng kết cấu thép, mái, hoàn thiện kiến trúc.

4- Thi công hệ thống điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, PCCC.

5- Hoàn thiện cảnh quan, chạy thử và bàn giao.

- Bảng tiến độ thi công (dạng Gantt hoặc bảng mốc thời gian), thể hiện rõ:

- Tổng thời gian thực hiện không vượt quá yêu cầu HSMT (≤ 100 ngày).

- Các mốc chính: hoàn thành móng, lắp dựng kết cấu thép, hoàn thiện hệ thống MEP, bàn giao công trình.

- Cam kết chất lượng và Bảo hành.

**4. Đề xuất tài chính**

- Thư chào giá, bảng tổng hợp giá trị dự thầu.

- Bảng khối lượng chi tiết (BOQ) có đơn giá và thành tiền.

- Điều kiện thanh toán.

**H. LÀM RÕ – THƯƠNG THẢO – TRAO THẦU**

**1. Làm rõ hồ sơ dự thầu**

- Nhà thầu có trách nhiệm nộp văn bản làm rõ bằng **file đính kèm** (không sử dụng tin nhắn chat, điện thoại hay hình thức không chính thống).

- Thời hạn gửi yêu cầu làm rõ: **trước thời điểm đóng thầu ít nhất 03 ngày làm việc**.

- Bên mời thầu sẽ phản hồi bằng văn bản chính thức.

**2. Thương thảo hợp đồng**

Bên mời thầu có quyền tổ chức thương thảo với nhà thầu về:

- Giá dự thầu (có thể đàm phán giảm giá).

- Biện pháp thi công, tiến độ chi tiết.

- Các điều khoản thanh toán, bảo lãnh, bảo hành.

- Các nội dung khác liên quan đến thực hiện hợp đồng.

- Kết quả thương thảo được lập thành **Biên bản thương thảo**, có chữ ký hai bên, làm căn cứ trao thầu và ký hợp đồng.

**3. Trao thầu và ký hợp đồng**

- Sau thương thảo thành công, Chủ đầu tư ban hành **Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống đấu thầu e-Bidding**.

- Nhà thầu trúng thầu nộp **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (5% giá trị HĐ)** trước khi ký hợp đồng.

**I. PHỤ LỤC –TÀI LIỆU KÈM THEO HSMT**

**1. Tài liệu Chủ đầu tư cung cấp (đính kèm cùng HSMT)**

1. Thuyết minh Nghiên cứu khả thi công trình Cổng chào KCN Tam Dương
2. Bảng khối lượng chi tiết (BOQ).
3. Bảng tổng hợp giá trị xây lắp
4. Yêu cầu xuất xứ vật tư, thiết bị
5. Bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật

**2. Hướng dẫn sử dụng phụ lục**

- Các tài liệu kèm theo là **một phần không tách rời** của HSMT.

- Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung HSMT và tài liệu phụ lục, nhà thầu phải gửi yêu cầu làm rõ để được hướng dẫn chính thức.